

Số: 20806/CBTT

TPHCM, ngày 24 tháng 06 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TPHCM**

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TPHCM

- Mã chứng khoán: FDC

- Địa chỉ: 28 PHÙNG KHẮC KHOAN, PHƯỜNG ĐA KAO, QUẬN 1, TPHCM, VIỆT NAM

- Điện thoại liên hệ: 028 3822 1043

Fax: 028 3822 5241

- E-mail: fideco@fidecovn.com

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty CP Ngoại Thương và Phát Triển Đầu Tư TPHCM ban hành Quy chế hoạt động của Ủy Ban Kiểm Toán.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 24 tháng 06 năm 2022 tại đường dẫn <https://fidecovn.com/tin-cong-bo-fideco.php?nam=2022>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm

- Quyết định liên quan đến nội dung thông tin công bố

Đại diện tổ chức

Người UQ CBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



VĨ THIỆN CHƯỜNG

Số: 20706/QĐ.HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 06 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH

V/v: ban hành Quy chế hoạt động của Ủy Ban kiểm toán

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP.HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14;
- Căn cứ điều lệ Công ty Công ty cổ phần Ngoại thương và Phát triển đầu tư TP.Hồ Chí Minh được ban hành ngày 11 tháng 06 năm 2022;
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần Ngoại thương và Phát triển đầu tư TP.Hồ Chí Minh cấp ngày 27/12/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 40 ngày 31/03/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1:** Nay ban hành kèm theo Quy chế hoạt động của Ủy Ban kiểm toán, mã số: FDC/QC-01.
- Điều 2:** Giao Ban Kiểm toán nội bộ làm đầu mối quản lý và chịu trách nhiệm hướng dẫn thực hiện, tuân thủ Quy chế này.
- Điều 3:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.
- Điều 4:** Ban Tổng giám đốc, Trưởng Phòng/Ban, các đơn vị và Cán bộ nhân viên trong Công ty chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2,3;
- Lưu HCNS; B.KTNB


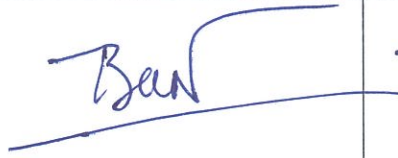

Ban **TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**
CHỦ TỊCH



VŨ THIÊN CHƯƠNG



QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

Trách nhiệm	Biên soạn	Xem xét	Phê duyệt
Chữ ký			
Họ và tên	VÕ ĐỨC TOẠI	VŨ MẠNH BẢO	VŨ THIỆN CHƯƠNG
Chức vụ	Trưởng Ban Ban Kiểm toán nội bộ	Thư ký Hội đồng quản trị	Chủ tịch Hội đồng quản trị



**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA
ỦY BAN KIỂM TOÁN**

Mã số: FDC/QC-01
Sốát xét: 00
Hiệu lực: 24/06/2022

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG.....	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	3
Điều 2. Đối tượng áp dụng	3
Điều 3. Giải thích từ ngữ	3
Điều 4. Các nguyên tắc hoạt động của Ủy Ban kiểm toán	3
CHƯƠNG II: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN	4
Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ủy Ban kiểm toán	4
Điều 6. Cơ cấu tổ chức Ủy Ban kiểm toán	5
CHƯƠNG III: HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN	5
Điều 7. Cuộc họp của Ủy Ban kiểm toán	5
Điều 8. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy Ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.....	5
Điều 9. Mối quan hệ giữa các thành viên Ủy Ban kiểm toán.....	6
Điều 10. Mối quan hệ với Ban điều hành.....	6
Điều 11. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị.....	6
Điều 12. Mối quan hệ với cổ đông	7

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế hoạt động của Ủy Ban kiểm toán quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Ủy Ban kiểm toán và các thành viên Ủy Ban kiểm toán nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế hoạt động của Ủy Ban kiểm toán được áp dụng cho Ủy Ban kiểm toán và các thành viên Ủy Ban kiểm toán. Các Đơn vị và cá nhân thuộc Công ty Cổ phần Ngoại Thương và Phát triển Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Công ty: là viết tắt của cụm từ Công ty Cổ phần Ngoại Thương và Phát triển Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.
2. HĐQT: là viết tắt của cụm từ Hội đồng quản trị Công ty.
3. UBKT: là viết tắt của cụm từ Ủy Ban kiểm toán, là cơ quan chuyên môn thuộc HĐQT Công ty.
4. Quy định nội bộ: là tập hợp các chủ trương, chính sách, các quy chế, quy định, quy trình và các hướng dẫn nghiệp vụ nội bộ của Công ty.
5. Cán bộ quản lý: là cán bộ nhân viên được HĐQT bổ nhiệm vào các chức danh quản lý theo Hệ thống cấp bậc - chức vụ - chức danh của Công ty.
6. Đơn vị: là từ dùng để thay thế khi sử dụng cho một trong các đối tượng là Phòng, Ban, Bộ phận, Văn phòng, Chi nhánh, các Công ty con, Công ty liên kết của Công ty.
7. KTNB: là viết tắt của cụm từ Kiểm toán nội bộ.
8. Người có liên quan: là cá nhân hoặc tổ chức theo quy định tại Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp.
9. Người quản lý: là cá nhân theo quy định tại Khoản 24 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp.

Điều 4. Các nguyên tắc hoạt động của Ủy Ban kiểm toán

1. UBKT phải báo cáo trực tiếp bằng văn bản với HĐQT và không bị can thiệp trong việc thực hiện nhiệm vụ nhằm đảm bảo Công ty tuân thủ mọi quy định luật pháp.
2. Thành viên UBKT thực hiện các công việc tuân thủ quy định pháp luật và các quy định có liên quan; không tham gia các hoạt động làm ảnh hưởng đến uy tín nghề nghiệp.
3. Thành viên UBKT không tiết lộ các thông tin được cung cấp trừ khi việc tiết lộ thông tin theo yêu cầu pháp luật.



QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

Mã số: FDC/QC-01
Sốát xét: 00
Hiệu lực: 24/06/2022

4. Thành viên UBKT phải trung thực, không bị ảnh hưởng chi phối từ bất kỳ ai trong việc đưa ra các kết luận của mình.
5. Công việc của UBKT không làm giảm trách nhiệm tập thể, trách nhiệm cá nhân của thành viên HĐQT liên quan đến các nhiệm vụ và trách nhiệm được giao.

CHƯƠNG II: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ủy Ban kiểm toán

1. Giám sát tính trung thực báo cáo tài chính của Công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của Công ty.
2. Rà soát hệ thống Kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro.
3. Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của HĐQT hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Giám sát Phòng KTNB của Công ty (UBKT có cơ quan giúp việc là Ban KTNB, có chức năng và nhiệm vụ được quy định cụ thể tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty và Quy chế KTNB).
5. Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để HĐQT thông qua trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt.
6. Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp Công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán.
7. Giám sát nhằm bảo đảm Công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của Công ty.
8. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên HĐQT khác, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của UBKT.
9. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của UBKT.
10. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.
11. Xây dựng và trình HĐQT các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro, đề xuất với HĐQT các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty.
12. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến HĐQT khi phát hiện thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

13. Xây dựng Quy chế hoạt động của UBKT và trình HĐQT thông qua.

14. Các quyền và nghĩa vụ khác theo Điều lệ Công ty.

Điều 6. Cơ cấu tổ chức Ủy Ban kiểm toán

1. UBKT có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch UBKT phải là thành viên HĐQT độc lập. Các thành viên khác của UBKT phải là các thành viên HĐQT không điều hành.
2. Thành viên UBKT phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty.
 - b. Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.
3. Chủ tịch UBKT phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.
4. Việc bổ nhiệm Chủ tịch UBKT và các thành viên khác trong UBKT phải được HĐQT thông qua tại cuộc họp HĐQT.
5. Tiền lương và chi phí hoạt động của UBKT, thành viên UBKT theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, công bố trong Báo cáo thường niên của Công ty.

CHƯƠNG III: HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

Điều 7. Cuộc họp của Ủy Ban kiểm toán

1. UBKT phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Cuộc họp được tiến hành khi có tối thiểu 2/3 (hai phần ba) số thành viên tham dự. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên UBKT tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.
2. UBKT thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên UBKT có một phiếu biểu quyết. Trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định tỷ lệ khác cao hơn, quyết định của UBKT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch UBKT.

Điều 8. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy Ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Thành viên HĐQT độc lập trong UBKT có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.



QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN

Mã số: FDC/QC-01
Sốát xét: 00
Hiệu lực: 24/06/2022

2. Báo cáo hoạt động của thành viên HĐQT độc lập trong UBKT tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:
 - a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của UBKT và từng thành viên UBKT theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
 - b. Tổng kết các cuộc họp của UBKT và các kết luận, kiến nghị của UBKT.
 - c. Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty.
 - d. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
 - e. Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty.
 - f. Kết quả giám sát đối với HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp.
 - g. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa UBKT với HĐQT, Tổng giám đốc và các cổ đông.

Điều 9. Mối quan hệ giữa các thành viên Ủy Ban kiểm toán

Các thành viên UBKT có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của UBKT theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty. Chủ tịch UBKT là người điều phối công việc chung của UBKT nhưng không có quyền chi phối các thành viên UBKT.

Điều 10. Mối quan hệ với Ban điều hành

UBKT có mối quan hệ độc lập với Ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Ban điều hành.

Điều 11. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

1. UBKT là một cơ quan trong Công ty, quan hệ làm việc với HĐQT Công ty theo nguyên tắc bình đẳng và theo Quy chế tổ chức hoạt động HĐQT.
2. Các thành viên UBKT có trách nhiệm tham dự các cuộc họp của HĐQT, tham gia thảo luận đóng góp ý kiến vào các nội dung được đưa ra thông qua trong cuộc họp.
3. Các thành viên HĐQT phải cung cấp thông tin và tài liệu liên quan đến kết quả hoạt động theo yêu cầu của UBKT, đồng thời phối hợp chặt chẽ và hỗ trợ lẫn nhau để hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 12. Mối quan hệ với cổ đông

1. UBKT với tư cách đại diện cho cổ đông thực hiện nhiệm vụ kiểm tra và giám sát toàn bộ các hoạt động của Công ty. Do đó, phải chấp hành nghiêm túc chế độ bảo mật thông tin, báo cáo trung thực, chính xác đến cổ đông về hoạt động của Công ty thông qua các báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường.
2. Có trách nhiệm giải đáp các chất vấn và giải quyết các kiến nghị của cổ đông yêu cầu theo đúng trình tự quy định.

